

Bản án số: 27/2021/HSST

Ngày: 26/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Quý

2. Bà Bùi Thị Thúy Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 210/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1501/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trang Văn H, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1998, tại Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Mỹ Ái, xã X, huyện Y, thành phố H; chỗ ở hiện nay: 350/10 Huỳnh Tấn Phát, phường X, Quận Y, Thành phố H; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trang Văn L và bà Nguyễn Ngọc M; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26 tháng 10 năm 2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1955

Chỗ ở hiện nay: 76/7 Bis Tôn Thất Đạm, phường X, Quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1966

Chỗ ở hiện nay: 122 Cô Bắc, phường X, Quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 25 tháng 10 năm 2020, bị cáo Trang Văn H điều khiển xe mô tô biển số 59T1-27325 đi đến trước sạp hàng số 39B Tôn Thất Đạm, phường Bến Nghé, Quận 1 thấy trong sạp hàng không có người trông coi nên bị cáo H dựng xe bên ngoài lén lút vào bên trong cửa hàng lục lọi đồ đạc, lấy trộm 03 cọc tiền được quấn bằng dây thun với các mệnh giá 50.000 đồng và 100.000 đồng, tổng cộng 15.000.000 đồng. Sau khi trộm cắp được tài sản bị cáo H điều khiển xe về lại cửa hàng QV số 122 Cô Bắc, phường X, Quận Y nơi bị cáo H đang làm việc để tiếp tục đi giao hàng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, ông Nguyễn Văn Q phát hiện bị mất tài sản nên đã đến Công an phường Bến Nghé trình báo. Qua truy xét ngày 26 tháng 10 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 bắt giữ được bị cáo H, thu hồi lại số tiền bị cáo H đã trộm. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, bị cáo H khai nhận do bản thân cần tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nêu ở trên.

Bản cáo trạng số: 02/CTr-VKSQ1 ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Trang Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự; tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- Số tiền 15.000.000 đồng đã thu hồi trả lại bị hại là ông Q và ông Q không có yêu cầu nào nên không xét.

- 01 xe mô tô biển số 59T1-27325 màu đen hiệu Wave, số khung: 22BY653840, số máy JC43E6424212. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1 đã trả xe lại cho bà N nên không xét.

- 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh bị cáo H phạm tội cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

- Số tiền 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imel 1: 357202/07/696332/2, số Imel 2: 357203/07/696332/0 cần xem xét trả lại bị cáo H, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- 01 áo thun màu xanh, 01 quần ngắn màu nâu cần tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản làm việc, bản tường trình, biên bản đối chất, biên bản bắt bị can để tạm giam,... có căn cứ để kết luận, khoảng 08 giờ 40 phút ngày 25 tháng 10 năm 2020, tại sạp hàng số 39B Tôn Thất Đạm, phường Bến Nghé, Quận 1 bị cáo H đã có hành vi lợi dụng sự không để ý của ông Q lén lút vào bên trong cửa hàng lục lọi đồ đạc, lấy trộm 03 cọc tiền được quán bằng dây thun với các mệnh giá 50.000 đồng, 100.000 đồng, tổng cộng 15.000.000 đồng. Qua truy xét bị cáo H bị bắt giữ cùng vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 15.000.000 đồng. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người lương thiện có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe kẻ khác góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự; tài sản đã thu hồi trả cho bị hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1 đã thu hồi trả lại bị hại là ông Quảng và ông Quảng không có yêu cầu nào nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 59T1-27325 màu đen hiệu Wave; số khung: 22BY653840, số máy JC43E6424212 thu giữ của bị cáo H. Qua xác minh xe do bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1966; trú tại 122 Cô Bắc, phường X, Quận Y, Thành phố H đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Bà N khai bị cáo H là nhân viên giao hàng tại đại lý bia nước ngọt Quang Thịnh, xe mô tô trên dành cho tất cả các nhân viên tự sử dụng để đi mua đồ ăn, bị cáo H sử dụng xe làm phương tiện phạm tội bà N không biết, bà N yêu cầu được nhận lại xe và Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1 đã trả xe lại cho bà N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xét. (bút lục 49)

- Đối với 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh bị cáo H phạm tội cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

- Đối với số tiền 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imel 1: 357202/07/696332/2, số Imel 2: 357203/07/696332/0 thu giữ của bị cáo H. Xét không liên quan đến vụ án cần xem xét trả lại bị cáo H, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- Đối với 01 áo thun màu xanh, 01 quần ngắn màu nâu thu giữ của bị cáo H, xét không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội trộm cắp tài sản: Tuyên bố Trang Văn H, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Trang Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 10 năm 2020.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD ghi nhận hình ảnh bị cáo Trang Văn H phạm tội.

Trả lại bị cáo Trang Văn H số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imel 1: 357202/07/696332/2, số Imel 2: 357203/07/696332/0, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun màu xanh, 01 (một) quần ngắn màu nâu.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 133/20-PNK ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trang Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo Trang Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Người bị hại,
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Tuấn